HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 72/2017/NQ-HĐND	*Đồng Nai, ngày 07 tháng 7 năm 2017*

NGHỊ QUYẾT
Quy định về lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI
KHÓA IX - KỲ HỌP THỨ 4

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật hộ tịch ngày 20 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Xét Tờ trình số 5623/TTr-UBND ngày 13 tháng 6 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc trình thông qua Nghị quyết về lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định về lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, cụ thể như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Lệ phí hộ tịch là khoản thu đối với người được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết các công việc về hộ tịch theo quy định của pháp luật trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

2. Đối tượng miễn nộp lệ phí hộ tịch

a) Đăng ký hộ tịch cho người thuộc gia đình có công với cách mạng, người thuộc hộ nghèo, người khuyết tật.

b) Đăng ký khai sinh đúng hạn; đăng ký khai tử đúng hạn; giám hộ, chấm dứt giám hộ; đăng ký kết hôn của công dân Việt Nam cư trú ở trong nước khi thực hiện tại Ủy ban nhân dân cấp xã.

3. Đơn vị, tổ chức thu lệ phí hộ tịch

a) Phòng Tư pháp các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa.

b) Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn.

4. Mức thu lệ phí: *(Có phụ lục kèm theo)*

5. Quản lý lệ phí: Tổ chức thu lệ phí nộp 100% số tiền lệ phí thu được vào ngân sách nhà nước.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh thực hiện chức năng giám sát việc thực hiện Nghị quyết này theo quy định.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên vận động tổ chức và nhân dân cùng tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết này; phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng của nhân dân kiến nghị đến các cơ quan có thẩm quyền theo quy định pháp luật.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 8 năm 2017.

2. Nghị quyết này bãi bỏ Khoản 11, Điều 1 Nghị quyết số 124/2008/NQ-HĐND ngày 05 tháng 12 năm 2008 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc thu các loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai Khóa IX, Kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 07 tháng 7 năm 2017./.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội (A+B);
- Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ (A+B);
- Bộ Tư pháp;
- Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh Đồng Nai;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN và các đoàn thể;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Các sở, ban ngành của tỉnh;
- TT.HĐND, UBND cấp huyện;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Báo, Đài PT-TH Đồng Nai;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Nguyễn Phú Cường

PHỤ LỤC
LỆ PHÍ HỘ TỊCH TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI

(Kèm theo Nghị quyết số 72/2017/NQ-HĐND ngày 07/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai Quy định về lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Đồng Nai)

Stt	Nội dung	Mức thu
A. Áp dụng đối với việc đăng ký hộ tịch trong nước tại Ủy ban nhân dân cấp xã		
1	Khai sinh (bao gồm: đăng ký khai sinh không đúng hạn; đăng ký lại khai sinh; đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân)	5.000 đồng
2	Khai tử (bao gồm: đăng ký khai tử không đúng hạn; đăng ký lại khai tử)	5.000 đồng
3	Đăng ký lại việc kết hôn	30.000 đồng
4	Nhận cha, mẹ, con	15.000 đồng
5	Thay đổi, cải chính hộ tịch cho người chưa đủ 14 tuổi cư trú ở trong nước; bổ sung hộ tịch cho công dân Việt Nam cư trú ở trong nước	10.000 đồng
6	Cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	10.000 đồng
7	Xác nhận hoặc ghi vào Sổ hộ tịch các việc hộ tịch khác	5.000 đồng
8	Đăng ký hộ tịch khác	8.000 đồng
B. Áp dụng đối với việc đăng ký hộ tịch tại Ủy ban nhân dân cấp huyện		
1	Khai sinh (bao gồm: đăng ký khai sinh đúng hạn; đăng ký khai sinh không đúng hạn; đăng ký lại khai sinh; đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân)	50.000 đồng
2	Khai tử (bao gồm: đăng ký khai tử đúng hạn; đăng ký khai tử không đúng hạn; đăng ký lại khai tử)	50.000 đồng
3	Kết hôn (bao gồm: đăng ký kết hôn mới; đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài)	1.200.000 đồng
4	Giám hộ, chấm dứt giám hộ	50.000 đồng
5	Nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	1.200.000 đồng
6	Thay đổi, cải chính hộ tịch cho người từ đủ 14 tuổi trở lên cư trú ở trong nước; xác định lại dân tộc	25.000 đồng
7	Thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch; xác định lại dân tộc có yếu tố nước ngoài	50.000 đồng
8	Ghi vào Sổ hộ tịch việc hộ tịch của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	70.000 đồng
9	Đăng ký hộ tịch khác	60.000 đồng

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 5623 /TTr-UBND	*Đồng Nai, ngày 13 tháng 6 năm 2017*

TỜ TRÌNH
Về việc trình thông qua Nghị quyết về lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Thực hiện công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật năm 2017 theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, UBND tỉnh Đồng Nai trình HĐND tỉnh Nghị quyết về lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, cụ thể như sau:

I. CƠ SỞ PHÁP LÝ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Luật Hộ tịch năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

II. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

Ngày 05/12/2008, HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết số 124/2008/NQ-HĐND về thu các loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Để triển khai Nghị quyết nêu trên, UBND tỉnh Đồng Nai đã ban hành Quyết định số 05/2009/QĐ-UBND ngày 12/02/2009 về việc thu lệ phí đăng ký hộ tịch trên địa bàn tỉnh Đồng Nai để tổ chức thực hiện công tác thu lệ phí hộ tịch tại địa phương.

Trên cơ sở quy định của Luật phí và lệ phí, ngày 25/11/2015, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí. Trong đó Khoản 1 và Khoản 2, Điều 6 Nghị định quy định trách nhiệm của UBND tỉnh chỉ đạo xây dựng Đề án đối với các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của HĐND tỉnh.

Đồng thời, căn cứ Khoản 3, Điều 3 Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thì Lệ phí hộ tịch thuộc

Số 02, Nguyễn Văn Trị, P. Thanh Bình, TP. Biên Hòa
TEL: (061) 3822501 - FAX: (061) 3823854 - 3824934

thẩm quyền của HĐND tỉnh và Khoản 2, Điều 8 Thông tư số 250/2016/TT-BTC quy định rõ "*Việc quyết định thu phí, lệ phí; phạm vi, đối tượng thu, đối tượng được miễn, giảm phí, lệ phí; mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng đối với các khoản phí, lệ phí nêu tại Điều 2 và Điều 3 Thông tư này do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định cho phù hợp với điều kiện của từng địa phương*".

Tỉnh Đồng Nai có 11 đơn vị hành chính gồm: thành phố Biên Hòa; thị xã Long Khánh và 9 huyện: Long Thành, Nhơn Trạch, Trảng Bom, Thống Nhất, Cẩm Mỹ, Vĩnh Cửu, Xuân Lộc, Định Quán, Tân Phú, là tỉnh nằm trong vùng trọng điểm kinh tế phía Nam, có nhiều khu công nghiệp và cụm công nghiệp. Trong đó, thành phố Biên Hòa là trung tâm kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội của tỉnh Đồng Nai và là thành phố công nghiệp lớn của cả nước, được Thủ tướng Chính phủ quyết định công nhận là đô thị loại I; thị xã Long Khánh được Bộ Xây dựng công nhận là đô thị loại III.

Dân số toàn tỉnh Đồng Nai tính đến nay là 2.975.270 triệu người (tính đến hết năm 2016), dân cư phân bố không đồng đều, chủ yếu tập trung tại khu vực đô thị. Với tỷ lệ dân nhập cư tăng và đến từ nhiều tỉnh, kể cả người nước ngoài đến sinh sống và làm việc ngày càng nhiều, dẫn đến nhu cầu đăng ký hộ tịch của tỉnh phát sinh ngày càng cao. Theo Báo cáo số 11474/BC-UBND ngày 28/11/2016 của UBND tỉnh Đồng Nai về tình hình kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2016; phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp thực hiện kế hoạch năm 2017; trong năm 2016: GRDP bình quân đầu người là 77,3 triệu đồng/người/năm; dự kiến trong năm 2017: GRDP bình quân đầu người đạt khoảng 83 - 84 triệu đồng/người/năm.

Kết quả thực hiện Quyết định số 05/2009/QĐ-UBND ngày 12/02/2009 của UBND tỉnh về việc thu lệ phí đăng ký hộ tịch trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, trong thời gian qua thì các nhóm việc như: khai sinh, khai tử, đăng ký kết hôn; đăng ký việc thay đổi, cải chính hộ tịch cho người dưới 14 tuổi, bổ sung, điều chỉnh hộ tịch tại UBND cấp xã và các nhóm việc như: khai sinh, khai tử, giám hộ có yếu tố nước ngoài tại Sở Tư pháp (nay thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện) không quy định mức thu lệ phí trong khi các chi phí đảm bảo cho công tác này là chủ yếu như: mua biểu mẫu hộ tịch, sổ hộ tịch, văn phòng phẩm. Do đó, cần hoàn thiện về thể chế để có cơ sở pháp lý thu lệ phí đối với các nhóm việc này (trừ trường hợp được miễn thu lệ phí theo quy định của Luật Hộ tịch) cũng như phù hợp với tốc độ phát triển kinh tế - xã hội hiện nay của tỉnh Đồng Nai.

Qua 08 năm tổ chức thu lệ phí hộ tịch theo Quyết định số 05/2009/QĐ-UBND, các cơ quan thu lệ phí thực hiện chế độ quản lý, thu, nộp và sử dụng lệ phí công khai, minh bạch theo đúng quy định pháp luật, góp phần tạo nguồn thu cho ngân sách nhà nước và đảm bảo công tác cải cách thủ tục hành chính về lĩnh vực hộ tịch được hiệu quả.

Nhằm đảm bảo tính kịp thời trong công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết nội dung liên quan đến lệ phí hộ tịch để áp dụng tại địa phương. Trên cơ sở triển khai, thực hiện Luật phí và lệ phí; các văn

bản hướng dẫn thi hành Luật phí và lệ phí, sau khi tham khảo mức thu lệ phí của các tỉnh lân cận có điều kiện kinh tế - xã hội tương đồng với Đồng Nai như: Bình Dương, Bà Rịa - Vũng Tàu, UBND tỉnh xây dựng Nghị quyết về lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Đồng Nai trình HĐND tỉnh thông qua là cần thiết.

III. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO VIỆC XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích:

Phí, lệ phí nói chung và lệ phí hộ tịch nói riêng là công cụ quan trọng của Nhà nước trong việc duy trì và bảo đảm các hoạt động dịch vụ công, không nhằm bù đắp chi phí để thực hiện các công việc thu lệ phí nhưng đảm bảo cho việc giải quyết thủ tục hành chính được hiệu quả, gắn với điều kiện kinh tế - xã hội địa phương và hội nhập kinh tế quốc tế.

Qua 08 năm thực hiện việc thu lệ phí theo Nghị quyết số 124/2008/NQ-HĐND, việc tổ chức thu, nộp và sử dụng hiệu quả các khoản thu của lệ phí hộ tịch công khai, minh bạch, góp phần tạo nguồn thu cho ngân sách nhà nước và cải cách thủ tục hành chính về lĩnh vực hộ tịch. Bên cạnh đó, mức thu lệ phí hộ tịch theo quy định hiện hành không còn phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội trong giai đoạn hiện nay, cần được sửa đổi nhằm mục đích thống nhất, phù hợp với Luật Phí và lệ phí, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Hộ tịch cũng như đảm bảo tính kịp thời, đầy đủ về cơ sở pháp lý đối với từng nội dung thu và tạo nguồn thu cho ngân sách nhà nước.

2. Quan điểm chỉ đạo:

Xây dựng mức thu lệ phí hộ tịch thuộc thẩm quyền ban hành của HĐND tỉnh phù hợp với quy định của Luật phí và lệ phí và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật.

Mức thu lệ phí hộ tịch không nhằm mục đích bù đắp chi phí, đảm bảo công bằng, công khai, minh bạch; bình đẳng về quyền và nghĩa vụ của công dân; lệ phí hộ tịch thu được 100% nộp vào ngân sách nhà nước.

IV. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, trong quá trình xây dựng dự thảo Nghị quyết về lệ phí hộ tịch, UBND tỉnh chỉ đạo thực hiện như sau:

a) Giao Sở Tư pháp có trách nhiệm:

- Thực hiện tổng kết Quyết định số 05/2009/QĐ-UBND, đánh giá kết quả thu, chi lệ phí hộ tịch sau một thời gian triển khai áp dụng, kế thừa và vận dụng mức thu theo quy định tại Thông tư số 179/2015/TT-BTC ngày 13/11/2015 Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02/01/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; tham khảo mức thu của các tỉnh lân cận có điều kiện kinh tế - xã hội tương đồng nhau như Bình Dương, Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Chủ trì phối hợp với Sở Tài chính; UBND các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa tham mưu xây dựng Nghị quyết về lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, đảm bảo phù hợp về thẩm quyền thu lệ phí thống nhất với Luật Hộ tịch; chủ yếu là việc chuyển giao thẩm quyền đăng ký hộ tịch có yếu tố nước ngoài về UBND cấp huyện.

- Thành lập Hội đồng tư vấn thẩm định và tổ chức lấy ý kiến theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông đăng tải toàn bộ nội dung dự thảo Nghị quyết về lệ phí hộ tịch trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh trong thời gian tối thiểu là 30 ngày.

- Tiếp thu, giải trình hoàn thiện dự thảo trên cơ sở các ý kiến tham gia đóng góp tại Cổng thông tin điện tử của tỉnh, ý kiến đóng góp của các các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa.

b) Sở Tài chính có trách nhiệm thẩm định Đề án về lệ phí hộ tịch.

2. Kết quả lấy ý kiến góp ý dự thảo Nghị quyết

- Đối với cơ quan liên quan (Ban Kinh tế - Ngân sách, Ban Pháp chế HĐND tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Đồng Nai...): 16/16 cơ quan, đơn vị nhất trí với nội dung dự thảo. Bên cạnh đó, một số ý kiến đề nghị chỉnh sửa câu từ, hình thức dự thảo; thuyết minh và giải trình rõ hơn một số mức thu tăng thêm; đề xuất tăng một số nội dung thu.

- Đối với việc tổ chức lấy ý kiến người dân, tổ chức trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh: không có ý kiến tham gia đóng góp.

Trên cơ sở tổng hợp ý kiến của các cơ quan, đơn vị, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Tư pháp là cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, hoàn chỉnh và có báo cáo giải trình dự thảo Nghị quyết, Đề án.

V. BỐ CỤC, NỘI DUNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Bố cục dự thảo Nghị quyết gồm có 03 Điều; trong đó quy định các nội dung chính sau:

1. Đối tượng nộp lệ phí hộ tịch:

Người nộp lệ phí là cá nhân được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết các công việc về hộ tịch theo quy định của pháp luật.

2. Đối tượng miễn nộp lệ phí hộ tịch:

a) Đăng ký hộ tịch cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.

b) Đăng ký khai sinh; đăng ký khai tử đúng hạn; đăng ký kết hôn; giám hộ của công dân Việt Nam cư trú ở trong nước khi thực hiện tại UBND cấp xã.

3. Đơn vị, tổ chức thu lệ phí hộ tịch:

a) UBND các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa:

Phòng Tư pháp các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa là cơ quan tham mưu, giúp UBND cùng cấp giải quyết đăng ký hộ tịch và tổ chức thu lệ phí đăng ký hộ tịch thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND.

b) UBND các xã, phường, thị trấn *(sau đây gọi tắt là UBND cấp xã)* giải quyết các công việc về hộ tịch theo quy định của pháp luật.

4. Mức thu lệ phí hộ tịch:

STT	Nội dung	Mức thu	Ghi chú
A. Áp dụng đối với việc đăng ký hộ tịch trong nước tại UBND cấp xã			
1	Khai sinh (Bao gồm: đăng ký khai sinh không đúng hạn; đăng ký lại khai sinh; đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân)	5.000 đồng	
2	Khai tử (Bao gồm: đăng ký khai tử không đúng hạn; đăng ký lại khai tử)	5.000 đồng	
3	Đăng ký lại việc kết hôn	30.000 đồng	
4	Nhận cha, mẹ, con	15.000 đồng	
5	Thay đổi, cải chính hộ tịch cho người chưa đủ 14 tuổi cư trú ở trong nước; bổ sung hộ tịch cho công dân Việt Nam cư trú trong nước	10.000 đồng	
6	Cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	10.000 đồng	
7	Xác nhận hoặc ghi vào Sổ hộ tịch các việc hộ tịch khác	5.000 đồng	
8	Đăng ký hộ tịch khác	8.000 đồng	
B. Áp dụng đối với việc đăng ký hộ tịch tại Ủy ban nhân dân cấp huyện			
1	Khai sinh (bao gồm: đăng ký khai sinh đúng hạn; đăng ký khai sinh không đúng hạn; đăng ký lại khai sinh; đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân)	50.000 đồng	
2	Khai tử (bao gồm: đăng ký khai tử đúng hạn; đăng ký khai tử không đúng hạn; đăng ký lại khai tử)	50.000 đồng	
3	Kết hôn (bao gồm: đăng ký kết hôn mới; đăng ký lại kết hôn)	1.200.000 đồng	
4	Giám hộ, chấm dứt giám hộ	50.000 đồng	
5	Nhận cha, mẹ, con	1.200.000 đồng	
6	Thay đổi, cải chính hộ tịch cho người từ đủ 14 tuổi trở lên cư trú ở trong nước; xác định lại dân tộc	25.000 đồng	
7	Thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch; xác định	50.000 đồng	

	lại dân tộc có yếu tố nước ngoài		
8	Ghi vào Sổ hộ tịch việc hộ tịch của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	70.000 đồng	
9	Đăng ký hộ tịch khác	60.000 đồng	

5. Quản lý và sử dụng lệ phí hộ tịch:

Tổ chức thu lệ phí nộp 100% số tiền lệ phí thu được vào ngân sách nhà nước.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Sau khi lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Đồng Nai được HĐND tỉnh Đồng Nai thông qua bãi bỏ Khoản 11, Điều 1 Nghị quyết số 124/2008/NQ-HĐND ngày 05/12/2008 của HĐND tỉnh Đồng Nai về việc thu các loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. UBND tỉnh ban hành Quyết định về mức thu lệ phí đăng ký hộ tịch trên địa bàn tỉnh Đồng Nai bãi bỏ Quyết định số 05/2009/QĐ-UBND ngày 12/02/2009 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc thu lệ phí đăng ký hộ tịch trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Theo đó:

1. Mức thu lệ phí về nuôi con nuôi thực hiện theo quy định tại Nghị định số 114/2016/NĐ-CP ngày 08/7/2016 của Chính phủ quy định lệ phí đăng ký nuôi con nuôi, lệ phí cấp giấy phép hoạt động của tổ chức nuôi con nuôi nước ngoài và Thông tư số 267/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác nuôi con nuôi và cấp, gia hạn, sửa đổi giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài;

2. Mức thu lệ phí cấp bản sao hộ tịch (bản sao trích lục hộ tịch) được chuyển sang phí và áp dụng mức thu phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch thực hiện theo Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch (áp dụng chung cho cả 3 cấp).

Trên đây là nội dung Tờ trình về việc thông qua Nghị quyết về lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình HĐND tỉnh xem xét, thông qua./.

- Đính kèm:

+ Đề án về lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

+ Dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh về lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Đồng Nai và Phụ lục đính kèm Nghị quyết.

Tài liệu đính kèm:

+ Tờ trình số 79/TTr-STP ngày 30/5/2017 của Sở Tư pháp về việc trình hồ sơ hai dự thảo Nghị quyết trình HĐND tỉnh Đồng Nai khóa IX, kỳ họp thứ 4.

+ Báo cáo số 61/BC-HĐTVTĐ ngày 10/5/2017 của Hội đồng tư vấn thẩm định văn bản quy phạm pháp luật về việc thẩm định dự thảo Nghị quyết về lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

+ Bảng so sánh mức thu lệ phí của 03 tỉnh Đồng Nai, Bình Dương, Bà Rịa - Vũng Tàu.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh;
- Ban Pháp chế HĐND tỉnh;
- Văn phòng HĐND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Kho bạc Nhà nước Đồng Nai;
- Cục Thuế tỉnh;
- Chánh, Phó văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH, KT.

@ĐiệpKT

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Quốc Hùng

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày 13 tháng 6 năm 2017

ĐỀ ÁN

Về lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Đồng Nai
(Kèm theo Tờ trình số 5623 /TTr-UBND ngày 13/6/2017 của UBND tỉnh Đồng Nai)

I. CƠ SỞ PHÁP LÝ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Luật Hộ tịch năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

II. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1. Tình hình thực hiện các văn bản liên quan đến công tác thu lệ phí hộ tịch:

Ngày 05/12/2008, HĐND tỉnh Đồng Nai thông qua Nghị quyết số 124/2008/NQ-HĐND về thu các loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Để triển khai Nghị quyết nêu trên, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 05/2009/QĐ-UBND ngày 12/02/2009 về việc thu lệ phí đăng ký hộ tịch trên địa bàn tỉnh Đồng Nai để tổ chức thực hiện công tác thu lệ phí hộ tịch tại địa phương.

Trên cơ sở quy định của Luật Phí và lệ phí ngày 25/11/2015, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí. Trong đó Khoản 1 và Khoản 2, Điều 6 Nghị định quy định trách nhiệm của UBND tỉnh chỉ đạo xây dựng Đề án đối với các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của HĐND tỉnh.

Đồng thời, căn cứ Khoản 3, Điều 3 Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thì lệ phí hộ tịch thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND cấp tỉnh và Khoản 2, Điều 8 Thông tư

Số 02, Nguyễn Văn Trị, P. Thanh Bình, TP. Biên Hòa
TEL: (061) 3822501 - FAX: (061) 3823854 - 3824934

số 250/2016/TT-BTC quy định rõ: "*Việc quyết định thu phí, lệ phí; phạm vi, đối tượng thu, đối tượng được miễn, giảm phí, lệ phí; mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng đối với các khoản phí, lệ phí nêu tại Điều 2 và Điều 3 Thông tư này do HĐND cấp tỉnh quyết định cho phù hợp với điều kiện của từng địa phương*".

2. Đánh giá chung tình hình kinh tế - xã hội tỉnh Đồng Nai làm cơ sở đề xuất mức thu lệ phí hộ tịch:

Tỉnh Đồng Nai có 11 đơn vị hành chính gồm: thành phố Biên Hòa; thị xã Long Khánh và 09 huyện: Long Thành, Nhơn Trạch, Trảng Bom, Thống Nhất, Cẩm Mỹ, Vĩnh Cửu, Xuân Lộc, Định Quán, Tân Phú; là tỉnh nằm trong vùng trọng điểm kinh tế phía Nam, có nhiều khu công nghiệp và cụm công nghiệp. Trong đó, thành phố Biên Hòa là trung tâm kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội của tỉnh Đồng Nai và là thành phố công nghiệp lớn của cả nước, được Thủ tướng Chính phủ quyết định công nhận là đô thị loại I; thị xã Long Khánh được Bộ Xây dựng công nhận là đô thị loại III.

Dân số toàn tỉnh Đồng Nai tính đến nay là 2.975.270 người, dân cư phân bố không đồng đều, chủ yếu tập trung tại khu vực đô thị. Với tỷ lệ dân nhập cư tăng và đến từ các tỉnh, kể cả người nước ngoài đến sinh sống và làm việc ngày càng nhiều, dẫn đến nhu cầu đăng ký hộ tịch của tỉnh phát sinh ngày càng cao. Theo Báo cáo số 11474/BC-UBND ngày 28/11/2016 của UBND tỉnh Đồng Nai về tình hình kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2016; phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp thực hiện kế hoạch năm 2017 của tỉnh Đồng Nai; trong năm 2016: GRDP bình quân đầu người là 77,3 triệu đồng/người/năm; dự kiến trong năm 2017: GRDP bình quân đầu người đạt khoảng 83 - 84 triệu đồng/người/năm.

Qua thống kê báo cáo hàng năm, cho thấy từ năm 2009 đến năm 2016, nhóm việc chiếm số lượng nhiều nhất trong tổng số hồ sơ được giải quyết ở 03 cấp cơ quan đăng ký hộ tịch là các lĩnh vực: khai sinh, kết hôn, ghi chú ly hôn; thay đổi, cải chính hộ tịch và cấp bản sao hộ tịch (nay gọi là bản sao trích lục hộ tịch).

Để có cơ sở xây dựng mức thu lệ phí, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Tư pháp tổng kết thực hiện Quyết định số 05/2009/QĐ-UBND ngày 12/02/2009 của UBND tỉnh về việc thu lệ phí đăng ký hộ tịch trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Qua kết quả thực hiện Quyết định số 05/2009/QĐ-UBND: tổng số lệ phí hộ tịch thu được tại Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp cấp huyện và UBND cấp xã là **10.910.000.000** đồng. Việc sử dụng mức trích để lại là **7.300.000.000** đồng được các cơ quan thu lệ phí sử dụng vào các nội dung theo quy định tại Khoản 8 Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25/5/2006.

Mặt khác, theo Quyết định số 05/2009/QĐ-UBND thì các nhóm việc sau không thu lệ phí: khai sinh, khai tử, đăng ký kết hôn; đăng ký việc thay đổi, cải chính hộ tịch cho người dưới 14 tuổi, bổ sung, điều chỉnh hộ tịch tại UBND cấp xã và các nhóm việc như: khai sinh (trừ cấp lại bản chính Giấy khai sinh; tuy

nhiên, theo Luật Hộ tịch, không còn quy định đối với trường hợp này nữa), khai tử, giám hộ có yếu tố nước ngoài tại Sở Tư pháp (nay thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện) trong khi các chi phí đảm bảo cho công tác này là chủ yếu và sử dụng với số lượng nhiều như: mua biểu mẫu hộ tịch, sổ hộ tịch, văn phòng phẩm (dự toán chi cho các điều kiện nêu trên tại các cơ quan đăng ký hộ tịch trong năm 2017 là **555.024.000 đồng/năm** trong khi dự toán thu cho công tác này là **1.263.300.000 đồng/năm**). Do đó, cần thiết phải hoàn thiện về thể chế để có cơ sở pháp lý thu lệ phí đối với các nhóm việc này (trừ trường hợp được miễn thu lệ phí theo quy định của Luật Hộ tịch) cũng như để đảm bảo tính phù hợp với tốc độ phát triển kinh tế - xã hội hiện nay của tỉnh Đồng Nai.

Nhìn chung, qua 08 năm tổ chức thu lệ phí hộ tịch theo Quyết định 05/2009/QĐ-UBND, các cơ quan thu lệ phí thực hiện chế độ quản lý, thu, nộp và sử dụng lệ phí công khai, minh bạch theo đúng quy định pháp luật, góp phần tạo nguồn thu cho ngân sách nhà nước và đảm bảo công tác cải cách thủ tục hành chính về lĩnh vực hộ tịch được hiệu quả.

Nhằm đảm bảo tính kịp thời trong công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết nội dung liên quan đến lệ phí hộ tịch để tạo cơ sở pháp lý áp dụng tại địa phương. Trên cơ sở kết quả tổng kết tình hình thực hiện Quyết định số 05/2009/QĐ-UBND cùng sự tham khảo về tính phù hợp với mức thu lệ phí các tỉnh lân cận có điều kiện kinh tế - xã hội tương đồng với Đồng Nai như: Bình Dương, Bà Rịa - Vũng Tàu, UBND tỉnh xây dựng Đề án về lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Đồng Nai trình HĐND tỉnh thông qua.

III. NỘI DUNG ĐỀ ÁN

1. Tên lệ phí: Lệ phí hộ tịch

2. Phương thức cung cấp dịch vụ, thu lệ phí:

a) Phương thức cung cấp dịch vụ: Việc nộp hồ sơ và trả kết quả cho cá nhân có yêu cầu đăng ký hộ tịch bằng hình thức nộp, trả trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc UBND cấp huyện và UBND cấp xã theo thẩm quyền giải quyết hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống đăng ký hộ tịch trực tuyến (trừ lĩnh vực kết hôn và nhận cha, mẹ, con).

b) Việc thu lệ phí: Thu trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc UBND cấp huyện và UBND cấp xã theo thẩm quyền giải quyết hoặc qua hệ thống bưu chính sau khi tiếp nhận hồ sơ đầy đủ và hợp lệ (trừ lĩnh vực kết hôn và nhận cha, mẹ, con).

3. Căn cứ xây dựng mức thu lệ phí hộ tịch:

a) Kế thừa một số mức thu còn phù hợp so với tình hình thực tiễn của tỉnh Đồng Nai tại Thông tư số 179/2015/TT-BTC ngày 13/11/2015 Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02/01/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

b) Báo cáo tổng kết 08 năm thực hiện Quyết định số 05/2009/QĐ-UBND và đánh giá kết quả thu, chi lệ phí đăng ký hộ tịch của Sở Tư pháp và Phòng Tư pháp cấp huyện, UBND cấp xã qua các năm.

c) Tham khảo mức thu lệ phí hộ tịch đã được ban hành trong năm 2016 của 2 tỉnh lân cận có điều kiện kinh tế - xã hội tương đồng với Đồng Nai là Bình Dương, Bà Rịa - Vũng Tàu; số dân, GRDP bình quân đầu người, tổng GRDP, nguồn thu ngân sách (theo Báo cáo số 2001/BC-UBND ngày 02/12/2016 của UBND tỉnh Bình Dương; Báo cáo số 206/BC-UBND ngày 28/11/2016 của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu), cụ thể như sau:

Nội dung	**Đồng Nai**	**Bình Dương**	**Bà Rịa Vũng Tàu**	**Tỷ lệ**	
				Đồng Nai/ Bình Dương	**Đồng Nai/ Bà Rịa Vũng Tàu**
Thu ngân sách (Tỷ đồng)	42.880	40.000	61.885	107.2%	69,28%
GRDP bình quân đầu người (triệu đồng/người/ năm)	77,3	108,6	117,95	71,18%	65,54%
Dân số (tính hết năm 2016)	2.975.270	2.014.493	1.150.200	147,73%	258,67%
Tổng GRDP trong năm 2016 (triệu đồng/năm)	229.988.371	218.773.939	135.666.090	105,12%	169,52%

Qua so sánh từng tiêu chí nêu trên giữa Đồng Nai và các tỉnh lân cận cho thấy: Do ảnh hưởng bởi yếu tố dân số (Đồng Nai có số dân đông nhất trong 03 tỉnh) nên GRDP bình quân đầu người thấp hơn Bình Dương và Bà Rịa - Vũng Tàu. Căn cứ theo phương pháp tính GRDP bình quân đầu người:

GRDP bình quân đầu người = Tổng GRDP trong năm/dân số trung bình trong cùng một năm.

<=> GRDP bình quân đầu người của tỉnh Đồng Nai= 229.988.371 triệu đồng/năm: 2.975.270 người = 77,3 triệu đồng/người/năm.

Theo đó, đối chiếu, tham khảo mức thu lệ phí của tỉnh Bình Dương và Bà Rịa - Vũng Tàu, việc đề xuất mức thu như dự thảo là phù hợp: phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh; tỷ lệ trượt giá trong những năm tiếp theo và khả năng đóng góp của người nộp cũng như đảm bảo tính hài hòa, thống nhất giữa các địa phương trong vùng lân cận.

4. Đối tượng nộp lệ phí hộ tịch:

Người nộp lệ phí là cá nhân được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết các công việc về hộ tịch theo quy định của pháp luật.

5. Đối tượng miễn nộp lệ phí hộ tịch:

Căn cứ Điều 11 Luật Hộ tịch quy định các trường hợp được miễn:

a) Đăng ký hộ tịch cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.

b) Đăng ký khai sinh, khai tử đúng hạn, giám hộ, kết hôn của công dân Việt Nam cư trú ở trong nước, thực hiện tại UBND cấp xã.

6. Khả năng đóng góp của người nộp, hiệu quả thu lệ phí:

Đề án về lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Đồng Nai quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý tạo cơ sở pháp lý thống nhất cho việc thu lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh được thực hiện theo đúng các quy định hiện hành, việc điều chỉnh mức thu đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

Mức thu lệ phí hộ tịch phù hợp với khả năng tài chính của cá nhân *(mức GRDP bình quân đầu người của tỉnh trong năm 2016 là 77,3 triệu đồng/người/năm)*, đáp ứng mục tiêu chính là tạo điều kiện thuận lợi, khuyến khích cá nhân thực hiện nghiêm túc, đầy đủ thủ tục đăng ký hộ tịch, góp phần tăng cường công tác quản lý nhà nước trong việc đăng ký hộ tịch trên địa bàn tỉnh. Theo đó, đảm bảo đúng nguyên tắc lệ phí hộ tịch là khoản thu mà cá nhân phải nộp khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết các công việc về hộ tịch theo quy định pháp luật.

7. Tổ chức thu lệ phí hộ tịch:

a) UBND các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa *(sau đây gọi tắt là UBND cấp huyện)*;

Phòng Tư pháp cấp huyện là cơ quan tham mưu, giúp UBND cùng cấp giải quyết đăng ký hộ tịch và tổ chức thu lệ phí hộ tịch thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện.

b) UBND các xã, phường, thị trấn *(sau đây gọi tắt là UBND cấp xã)* giải quyết các công việc về hộ tịch theo quy định của pháp luật.

8. Mức thu lệ phí hộ tịch:

a) Đồng tiền thu lệ phí: Việt Nam đồng.

b) Mức thu:

Mức thu lệ phí hộ tịch được xây dựng như sau:

- Mức thu áp dụng đối với việc đăng ký hộ tịch tại UBND cấp xã: Khai sinh (bao gồm: đăng ký khai sinh không đúng hạn; đăng ký lại khai sinh; đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân); khai tử (bao gồm: đăng ký khai tử không đúng hạn; đăng ký lại khai tử); kết hôn (đăng ký lại việc kết hôn); nhận cha, mẹ, con; thay đổi, cải chính hộ tịch cho người chưa đủ 14 tuổi cư trú trong nước; bổ sung hộ tịch cho công dân Việt Nam cư trú ở trong nước; cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân; xác nhận hoặc ghi vào Sổ hộ tịch các việc hộ tịch khác; đăng ký hộ tịch khác *(Mục A: Áp dụng đối với việc đăng ký hộ tịch thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã)*.

- Mức thu áp dụng đối với việc đăng ký hộ tịch tại UBND cấp huyện: Khai sinh (bao gồm: đăng ký khai sinh đúng hạn; đăng ký khai sinh không đúng hạn; đăng ký lại khai sinh; đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân); khai tử (bao gồm: đăng ký khai tử đúng hạn; đăng ký khai tử không đúng hạn; đăng ký lại khai tử); kết hôn (bao gồm: đăng ký kết hôn mới, đăng ký lại việc kết hôn); giám hộ, chấm dứt giám hộ; nhận cha, mẹ, con; thay đổi, cải chính hộ tịch cho người từ đủ 14 tuổi trở lên cư trú ở trong nước; xác định lại dân tộc; thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch, xác định lại dân tộc có yếu tố nước ngoài; ghi vào Sổ hộ tịch việc hộ tịch của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài; đăng ký hộ tịch khác. *(Mục B. Áp dụng đối với việc đăng ký hộ tịch thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện)*.

Trong thời gian cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và cơ sở dữ liệu điện tử hộ tịch toàn quốc chưa hoàn thiện, việc cấp bản sao trích lục hộ tịch, xác nhận hộ tịch sẽ được thực hiện tại cơ quan đăng ký hộ tịch, hiện đang lưu trữ sổ hộ tịch. Căn cứ Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch: xác nhận hộ tịch, việc cấp bản sao trích lục hộ tịch chuyển sang phí và áp dụng mức thu theo Thông tư nêu trên đối với 3 cấp.

c) Đề xuất mức thu lệ phí hộ tịch so với mức thu lệ phí hộ tịch trước đây:

- Đăng ký hộ tịch tại UBND cấp xã:

+ Tăng mức thu đối với các loại việc: nhận cha, mẹ, con; xác nhận hoặc ghi vào sổ hộ tịch các việc hộ tịch khác; đăng ký hộ tịch khác.

+ Quy định mới đối với các loại việc: khai sinh; khai tử, kết hôn (đăng ký lại việc kết hôn), cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân; thay đổi, cải chính hộ tịch cho người chưa đủ 14 tuổi cư trú ở trong nước; bổ sung hộ tịch.

- Đăng ký hộ tịch tại UBND cấp huyện:

+ Tăng mức thu đối với các loại việc: kết hôn; nhận, cha, mẹ, con; ghi vào sổ hộ tịch việc hộ tịch của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài; đăng ký hộ tịch khác.

+ Giữ nguyên mức thu đối với loại việc: thay đổi, cải chính hộ tịch cho người từ đủ 14 tuổi trở lên cư trú ở trong nước, xác định lại dân tộc; thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch có yếu tố nước ngoài.

+ Quy định mới các loại việc hộ tịch được thu lệ phí: khai sinh; khai tử; giám hộ, chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài.

BIỂU MỨC THU LỆ PHÍ HỘ TỊCH

STT	Nội dung	Mức thu theo Nghị quyết số 124/2008/NQ-HĐND	Mức thu đề xuất	Ghi chú
A. Áp dụng đối với việc đăng ký hộ tịch trong nước tại Ủy ban nhân dân cấp xã				
1	Khai sinh (Bao gồm: đăng ký khai sinh không đúng hạn; đăng ký lại khai sinh; đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân)	Không	5.000 đồng	Mới
2	Khai tử (Bao gồm: đăng ký khai tử không đúng hạn; đăng ký lại khai tử)	Không	5.000 đồng	Mới
3	Đăng ký lại việc kết hôn	Không	30.000 đồng	Mới
4	Nhận cha, mẹ, con	10.000 đồng	15.000 đồng	Tăng 50% (tăng 5.000 đồng)
5	Thay đổi, cải chính hộ tịch cho người chưa đủ 14 tuổi cư trú ở trong nước; bổ sung hộ tịch cho công dân Việt Nam cư trú trong nước	Không	10.000 đồng	Mới
6	Cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	Không	10.000 đồng	Mới
7	Xác nhận hoặc ghi vào Sổ hộ tịch các việc hộ tịch khác	3.000 đồng	5. 000 đồng	Tăng 66,6 % (tăng 2.000 đồng)

8	Đăng ký hộ tịch khác	5.000 đồng	8.000 đồng	Tăng 60% (tăng 3.000 đồng)
B. Áp dụng đối với việc đăng ký hộ tịch tại Ủy ban nhân dân cấp huyện				
1	Khai sinh (bao gồm: đăng ký khai sinh đúng hạn; không đúng hạn, đăng ký lại khai sinh; đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân)	Không	50.000 đồng	Mới
2	Khai tử (bao gồm: đăng ký khai tử đúng hạn; đăng ký khai tử không đúng hạn; đăng ký lại khai tử)	Không	50.000 đồng	Mới
3	Kết hôn (bao gồm: đăng ký kết hôn mới; đăng ký lại kết hôn)	1.000.000 đồng	1.200.000 đồng	Tăng 20% (tăng 200.000 ngàn)
4	Giám hộ, chấm dứt giám hộ	Không	50.000 đồng	Mới
5	Nhận cha, mẹ, con	1.000.000 đồng	1.200.000 đồng	Tăng 20% (tăng 200.000 ngàn)
6	Thay đổi, cải chính hộ tịch cho người từ đủ 14 tuổi trở lên cư trú ở trong nước; xác định lại dân tộc	25.000 đồng	25.000 đồng	Giữ nguyên
7	Thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch; xác định lại dân tộc có yếu tố nước ngoài	50.000 đồng	50.000 đồng	Giữ nguyên
8	Ghi vào Sổ hộ tịch việc hộ tịch của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	50.000 đồng	70.000 đồng	Tăng 40% (tăng 20.000 đồng)
9	Đăng ký hộ tịch khác	50.000 đồng	60.000 đồng	Tăng 20% (tăng 10.000 đồng)

*** Ghi chú:**

1. Về thẩm quyền giải quyết (theo Điều 7 Luật Hộ tịch):

- **Thẩm quyền của UBND cấp xã:** Thực hiện các nội dung công việc như mục A bảng biểu nêu trên; giải quyết cho đối tượng: Là công dân Việt Nam cư trú trên địa bàn xã, phường, thị trấn thuộc thẩm quyền quản lý. Riêng đối với trường hợp cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân (giấy độc thân) cấp cho người nước ngoài thường trú tại Việt Nam (nếu có yêu cầu).

- **Thẩm quyền của UBND cấp huyện (có yếu tố nước ngoài):** Thực hiện các nội dung công việc như mục B bảng biểu; giải quyết cho đối tượng 1 bên là công dân Việt Nam với 1 bên là công dân nước ngoài hoặc người không quốc tịch; 1 bên là công dân Việt Nam với 1 bên là người Việt Nam định cư ở nước ngoài; người nước ngoài thường trú tại Việt Nam. Riêng đối với trường hợp "Thay đổi, cải chính hộ tịch cho người từ đủ 14 tuổi trở lên cư trú ở trong nước; xác định lại dân tộc" giải quyết cho đối tượng là công dân Việt Nam cư trú trong nước nhưng phải từ 14 tuổi trở lên; xác định lại dân tộc áp dụng đối với công dân Việt Nam cư trú trong nước, không phân biệt độ tuổi.

Các trường hợp hộ tịch mà công dân Việt Nam (bao gồm công dân Việt Nam trước đây cư trú ở nước ngoài nay trở về Việt Nam sinh sống và công dân Việt Nam thường trú ở nước ngoài hoặc đã đăng ký giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài ở nước ngoài thì về Việt Nam ghi chú tại UBND cấp huyện (như: khai sinh; kết hôn; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; thay đổi hộ tịch).

2. Về mức thu đề xuất:

- HĐND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ban hành Nghị quyết về lệ phí hộ tịch vào ngày 04/8/2016 căn cứ theo mức thu tối đa của Thông tư số 179/2015/TT-BTC (còn hiệu lực tại thời điểm ban hành).

- HĐND tỉnh Bình Dương ban hành Nghị quyết về lệ phí hộ tịch vào ngày 16/12/2016 trên cơ sở căn cứ Thông tư số 250/2016/TT-BTC (Thông tư này không quy định mức thu cụ thể mà giao thẩm quyền quyết định cho HĐND tỉnh trên cơ sở căn cứ vào tình hình thực tiễn tại địa phương và tham khảo mức thu của các tỉnh lân cận tương đồng về điều kiện kinh tế - xã hội). Trong đó, một số mức thu hiện tại của Bình Dương bằng với mức thu theo Nghị quyết số 124/2008/NQ-HĐND của tỉnh Đồng Nai như: nhận cha, mẹ, con; đăng ký các việc hộ tịch khác tại UBND cấp xã và các nhóm việc có yếu tố nước ngoài: kết hôn; nhận cha, mẹ, con; ghi vào sổ hộ tịch của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài ở nước ngoài; đăng ký hộ tịch khác. Do đó, mức thu trong dự thảo Nghị quyết đối với nhóm việc nêu trên được đề xuất cao hơn quy định của tỉnh Bình Dương khi tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh thay đổi (điều này có thể hiểu là khả năng đóng góp của người dân Đồng Nai vào năm 2008 đã bằng mức thu nhập hiện tại của người dân tỉnh Bình Dương).

- Đối với nhóm việc tăng mức thu: mức tăng không đáng kể: Đối với cấp xã tăng lên 3.000 đồng và 5.000 đồng đối với mỗi lĩnh vực. Đối với trường hợp

đăng ký hộ tịch có yếu tố nước ngoài dao động trong khoảng từ 10.000 đồng đến 200.000 đồng tùy vào tính chất phức tạp khi giải quyết hồ sơ của mỗi lĩnh vực.

Vì vậy, trên cơ sở căn cứ vào tình hình thực tiễn và GRDP bình quân đầu người của tỉnh Đồng Nai cùng với việc vận dụng và kế thừa mức thu còn phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội tại địa phương theo Thông tư số 179/2015/TT-BTC, mức thu như dự thảo là sẽ áp dụng trong một thời gian dài (trừ trường hợp pháp luật về phí và lệ phí có quy định khác) và mang tính dự báo sẽ phù hợp với mức thu nhập của người dân; cũng như đảm bảo phù hợp với tỷ lệ trượt giá và tốc độ phát triển kinh tế của tỉnh Đồng Nai trong các năm tiếp theo.

Mặt khác, chủ trương của Đảng và Nhà nước ta hiện nay là cải cách và đổi mới mạnh mẽ việc cung ứng dịch vụ công, người dân đến cơ quan nhà nước sẽ được thụ hưởng các dịch vụ mà nhà nước cung ứng; vì vậy, người dân sẽ chịu một khoản lệ phí để bù đắp một phần chi phí mà ngân sách nhà nước bỏ ra. Do đó, cùng với GRDP bình quân đầu người của tỉnh Đồng Nai như hiện nay là đảm bảo phù hợp với khả năng đóng góp của người dân.

IV. CHẾ ĐỘ THU, NỘP, QUẢN LÝ, SỬ DỤNG VÀ QUYẾT TOÁN LỆ PHÍ HỘ TỊCH

1. Chứng từ thu lệ phí:

Chứng từ thu lệ phí hộ tịch do Cục Thuế Đồng Nai phát hành theo quy định hiện hành. Cơ quan thu lệ phí phải lập và cấp biên lai cho đối tượng nộp lệ phí.

2. Thu nộp, quản lý và sử dụng lệ phí:

Theo quy định tại Điểm b, Khoản 2, Điều 7 Thông tư số 250/2016/TT-BTC quy định: "Đối với lệ phí, tổ chức thu lệ phí nộp 100% số tiền lệ phí thu được vào ngân sách nhà nước".

Do đó, cơ quan thu lệ phí hộ tịch nộp 100% vào ngân sách nhà nước. Chi phí đảm bảo cho công tác đăng ký hộ tịch như: văn phòng phẩm, tiền làm thêm giờ... được sử dụng từ nguồn kinh phí của cơ quan đăng ký hộ tịch được cấp có thẩm quyền phê duyệt hằng năm.

Định kỳ trước ngày 05 (năm) hàng tháng, tổ chức thu lệ phí thực hiện kê khai kết quả số tiền lệ phí của tháng trước gửi cho cơ quan thuế trực tiếp quản lý theo mẫu của cơ quan thuế quy định và nộp tiền lệ phí vào ngân sách chậm nhất là ngày thứ hai mươi của tháng tiếp theo tháng phát sinh nghĩa vụ thuế.

3. Lập dự toán thu, chi và quyết toán lệ phí

Hàng năm, cơ quan tổ chức thu có trách nhiệm lập dự toán thu - chi về lệ phí đúng quy định của Bộ Tài chính về hướng dẫn phân cấp, lập, chấp hành và quyết toán theo quy định hiện hành về ngân sách nhà nước (Dự toán phân khai chi tiết nội dung thu - chi phí đúng quy định và kèm thuyết minh) gửi cơ quan tài chính, cơ quan thuế cùng cấp, kho bạc nhà nước nơi tổ chức thu mở tài khoản tạm giữ tiền lệ phí để kiểm soát chi theo quy định hiện hành.

Định kỳ cuối quý, năm cơ quan tổ chức thu lệ phí phải lập quyết toán lệ phí gửi về cơ quan thuế, tài chính cùng cấp để thẩm tra quyết toán và thông báo duyệt quyết toán năm.

V. CÔNG KHAI CHẾ ĐỘ THU LỆ PHÍ

Cơ quan thu lệ phí phải niêm yết hoặc thông báo công khai tại địa điểm thu lệ phí ở vị trí thuận tiện để các đối tượng nộp lệ phí dễ nhận biết theo quy định gồm: tên lệ phí, mức thu, đối tượng được miễn, chứng từ thu; văn bản quy định thu lệ phí.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Sau khi Đề án thu lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Đồng Nai được HĐND tỉnh Đồng Nai thông qua, UBND tỉnh sẽ ban hành Quyết định về việc thu lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Đồng Nai bãi bỏ Quyết định số 05/2009/QĐ-UBND ngày 12/02/2009 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc thu lệ phí đăng ký hộ tịch trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Đối với mức thu lệ phí về nuôi con nuôi: thực hiện theo quy định tại Nghị định số 114/2016/NĐ-CP ngày 08/7/2016 của Chính phủ quy định lệ phí đăng ký nuôi con nuôi, lệ phí cấp giấy phép hoạt động của tổ chức nuôi con nuôi nước ngoài và Thông tư số 267/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác nuôi con nuôi và cấp, gia hạn, sửa đổi giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài.

Riêng đối với lệ phí cấp bản sao hộ tịch (nay gọi là bản sao trích lục hộ tịch) được chuyển sang phí và áp dụng mức thu phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch thực hiện theo Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch (áp dụng chung cho cả 3 cấp).

Trong quá trình thực hiện, khi có sự thay đổi của pháp luật về lệ phí đăng ký hộ tịch, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Quốc Hùng

BẢNG SO SÁNH MỨC THU LỆ PHÍ CỦA 3 TỈNH
(Đồng Nai, Bình Dương, Bà Rịa - Vũng Tàu)

STT	Nội dung	Mức thu của tỉnh Bình Dương	Mức thu đề xuất của tỉnh Đồng Nai	Mức thu của tỉnh BRVT
A. Áp dụng đối với việc đăng ký hộ tịch tại Ủy ban nhân dân cấp xã				
1	Khai sinh	5.000 đồng	5.000 đồng	8.000 đồng
2	Khai tử	5.000 đồng	5.000 đồng	8.000 đồng
3	Đăng ký lại việc kết hôn	20.000 đồng	30.000 đồng	30.000 đồng
4	Nhận cha, mẹ, con	10.000 đồng	15.000 đồng	15.000 đồng
5	Thay đổi, cải chính hộ tịch cho người chưa đủ 14 tuổi cư trú ở trong nước; bổ sung hộ tịch	10.000 đồng	10.000 đồng	15.000 đồng
6	Cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	3.000 đồng	10.000 đồng	15.000 đồng
7	Xác nhận hoặc ghi vào Sổ hộ tịch các việc hộ tịch khác	5.000 đồng	5.000 đồng	8.000 đồng
8	Đăng ký hộ tịch khác	5.000 đồng	8.000 đồng	8.000 đồng
B. Áp dụng đối với việc đăng ký hộ tịch tại Ủy ban nhân dân cấp huyện				
1	Khai sinh	50.000 đồng	50.000 đồng	75.000 đồng
2	Khai tử	50.000 đồng	50.000 đồng	75.000 đồng
3	Kết hôn	1.000.000 đồng	1.200.000 đồng	1.500.000 đồng
4	Giám hộ, chấm dứt giám hộ	50.000 đồng	50.000 đồng	75.000 đồng
5	Nhận cha, mẹ, con	1.000.000 đồng	1.200.000 đồng	1.500.000 đồng
6	Thay đổi, cải chính hộ tịch cho người từ đủ 14 tuổi trở lên cư trú ở trong nước; xác định lại dân tộc	25.000 đồng	25.000 đồng	28.000 đồng
7	Thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch; xác định lại dân tộc có yếu tố nước ngoài	25.000 đồng	50.000 đồng	75.000 đồng (bổ sung hộ tịch 28.000 đồng)
8	Ghi vào Sổ hộ tịch việc hộ tịch của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	50.000 đồng	70.000 đồng	75.000 đồng
9	Đăng ký hộ tịch khác	50.000 đồng	60.000 đồng	75.000 đồng

SỞ TƯ PHÁP
HỘI ĐỒNG TƯ VẤN TĐVBQPPL

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 61 /BC-HĐTVTĐ

Đồng Nai, ngày 10 tháng 5 năm 2017

BÁO CÁO

Thẩm định dự thảo Nghị quyết về lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

Căn cứ khoản 1 Điều 121 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Sở Tư pháp thành lập Hội đồng tư vấn và Tổ thư ký giúp việc Hội đồng tư vấn thẩm định *(tại Quyết định số 18/QĐ-STP ngày 20/02/2017 của Giám đốc Sở Tư pháp)*.

Ngày 08/5/2017, Sở Tư pháp tổ chức họp Hội đồng tư vấn thẩm định văn bản quy phạm pháp luật *(sau đây viết tắt là Hội đồng tư vấn)* đối với dự thảo Nghị quyết về lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Đồng Nai do Sở Tư pháp chủ trì soạn thảo. Hội đồng tư vấn thực hiện thẩm định các nội dung của Nghị quyết như sau:

I. Hồ sơ thẩm định

Hồ sơ dự thảo bao gồm:

- Dự thảo Nghị quyết, Tờ trình, Đề án.

- Văn bản chấp thuận đề nghị xây dựng Nghị quyết của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh *(văn bản số 222/HĐND-VP ngày 26/4/2017)*.

- Bản cáo tổng hợp ý kiến góp ý của các đơn vị; Báo cáo giải trình các nội dung của dự thảo xây dựng

III. Thẩm định nội dung

1. Về đối tượng áp dụng, phạm vi điều chỉnh của dự thảo Nghị quyết

Dự thảo xây dựng đối tượng áp dụng cụ thể *(bao gồm quy định đối tượng nộp lệ phí, miễn nộp lệ phí)*, rõ ràng phù hợp với quy định tại Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Phạm vi điều chỉnh được thực hiện trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

2. Tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất của dự thảo Nghị quyết với hệ thống pháp luật

Nội dung dự thảo xây dựng đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất trong hệ thống pháp luật.

3. Về nội dung của dự thảo Nghị quyết

Bộ phận chủ trì soạn thảo cần nghiên cứu thêm mức thu lệ phí giữa quy định trước đây với dự thảo Nghị quyết mới, theo đó có đề xuất mức thu lệ phí tăng đối với nội dung

cải chính hộ tịch nhưng phải đảm bảo có lợi cho người dân, đồng thời cần so sánh với mức thu lệ phí với các tỉnh lân cận về mối tương quan giữa điều kiện kinh tế - xã hội, mật độ dân số, mức thu nhập bình quân

4. Về ngôn ngữ, kỹ thuật soạn thảo văn bản

Lưu ý một số kỹ thuật trình bày tại dự thảo Nghị quyết. Đồng thời trình bày rõ hơn đối tượng thu lệ phí của cấp huyện và cấp xã, theo đó có giải trình số lượng nội dung đề xuất mức thu tăng thêm, số lượng nội dung giữ nguyên mức thu (cơ sở pháp lý, thực tế nhiệm vụ thực hiện) tại Tờ trình và Đề án để thuận lợi hơn cho đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh nghiên cứu.

III. Kết luận thẩm định

Trên cơ sở thảo luận và đánh giá nội dung dự thảo Nghị quyết về lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, Hội đồng tư vấn thẩm định văn bản quy phạm pháp luật thống nhất với nội dung dự thảo, đề nghị bộ phận chủ trì soạn thảo tiếp thu, chỉnh sửa hoàn thiện hồ sơ dự thảo Nghị quyết để Sở Tư pháp tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua./.

Nơi nhận:
- Chủ tịch UBND tỉnh (báo cáo);
- VP. UBND tỉnh (phối hợp);
- Thành viên Hội đồng tư vấn;
- Giám đốc Sở; các PGĐ Sở;
- TTTĐT Sở;
- Lưu: VT, HCTP, XDKTVB.

(Anh Đào – TP2017)

TM. HỘI ĐỒNG TƯ VẤN
CHỦ TỊCH

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ TƯ PHÁP
TỈNH ĐỒNG NAI

Viên Hồng Tiến
Giám đốc Sở Tư pháp

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
SỞ TƯ PHÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 49 /TTr-STP

Đồng Nai, ngày 30 tháng 5 năm 2017

TỜ TRÌNH
Hồ sơ hai dự thảo Nghị quyết trình Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai Khóa IX, kỳ họp thứ 4

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai

Thực hiện quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Luật phí và lệ phí; Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28/12/2016 của Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật. Sở Tư pháp tham mưu UBND tỉnh hồ sơ hai dự thảo Nghị quyết trình HĐND tỉnh Đồng Nai khóa IX, kỳ họp thứ 4 gồm: dự thảo Nghị quyết về lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Đồng Nai và dự thảo Nghị quyết quy định mức phân bổ kinh phí đảm bảo cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, cụ thể như sau:

I. Về trình tự, thủ tục xây dựng các dự thảo Nghị quyết

1. Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Đảm bảo thực hiện đúng quy trình ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Sở Tư pháp xây dựng dự thảo và phối hợp với các Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện và các đơn vị có liên quan thực hiện lấy ý kiến góp ý của các đơn vị. Đồng thời, đăng toàn bộ hồ sơ các dự thảo Nghị quyết trên Cổng thông tin điện tử tỉnh Đồng Nai theo quy định, cụ thể:

- Công văn số 270/STP-XDKTVB ngày 24/02/2017 về việc đăng tải dự thảo Nghị quyết về lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

- Công văn số 300/STP-HCTP ngày 28/02/2017 về việc lấy ý kiến góp ý đối với dự thảo Nghị quyết về lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

- Công văn số 394/STP-XDKTVB ngày 20/3/2017 về việc đăng tải dự thảo Nghị quyết quy định mức kinh phí đảm bảo cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

- Công văn số 395/STP-XDKTVB ngày 20/3/2017 về việc lấy ý kiến góp ý đối với dự thảo Nghị quyết quy định mức kinh phí đảm bảo cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Đề nghị xây dựng Nghị quyết đối với các dự thảo Nghị quyết nêu trên trên đã được Thường trực HĐND tỉnh chấp thuận tại các Văn bản số 22/HĐND-VP ngày 26/4/2017 và Văn bản số 223/HĐND-VP ngày 26/4/2017.

2. Căn cứ Điều 121 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 20/02/2017, Giám đốc Sở Tư pháp đã ký Quyết định số 18/QĐ-STP về việc thành lập Hội đồng tư vấn và tổ giúp việc Hội đồng tư vấn thẩm định văn bản quy phạm pháp luật.

Ngày 08/5/2017, Hội đồng tư vấn thẩm định văn bản quy phạm pháp luật đã tổ chức họp thẩm định và thông qua nội dung các dự thảo Nghị quyết.

3. Ngày 12/5/2017, tại cuộc họp của UBND tỉnh do đồng chí Nguyễn Quốc Hùng - Phó Chủ tịch UBND tỉnh chủ trì, cùng các Sở, ngành liên quan:

- Đối với dự thảo Nghị quyết quy định mức phân bổ kinh phí đảm bảo cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Đồng Nai được các đại biểu nhất trí cao.

- Đối với dự thảo Nghị quyết về lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, có 02 ý kiến đóng góp:

+ Hạ mức thu "từ 8.000 đồng xuống thành 5.000 đồng" nội dung mục số 7 "xác nhận hoặc ghi vào Sổ hộ tịch các việc hộ tịch khác" thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã *(đã tiếp thu và chỉnh sửa)*.

+ Bổ sung, làm rõ thêm một số nội dung về kết quả thu, chi vào Đề án để làm cơ sở đề xuất mức thu lệ phí tại dự thảo *(đã tiếp thu và bổ sung)*.

Đến nay, nội dung các dự thảo Nghị quyết đã được hoàn chỉnh. Về quy trình thực hiện đảm bảo đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

II. Về hồ sơ dự thảo các Nghị quyết

Căn cứ khoản 1 Điều 122 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Sở Tư pháp tham mưu UBND tỉnh hồ sơ hai dự thảo Nghị quyết trình Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai khóa IX, kỳ họp thứ 4 như sau:

1. Hồ sơ dự thảo Nghị quyết về lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Đồng Nai gồm:

- Tờ trình UBND tỉnh về dự thảo Nghị quyết;

- Dự thảo Đề án về lệ phí hộ tịch;

- Dự thảo Nghị quyết;

- Báo cáo thẩm định của Hội đồng tư vấn thẩm định;

- Báo cáo giải trình tiếp thu ý kiến góp ý; bản tổng hợp ý kiến góp ý của các cơ quan, đơn vị.

- Bản sao văn bản góp ý của các cơ quan, đơn vị.

2. Hồ sơ dự thảo Nghị quyết quy định mức phân bổ kinh phí đảm bảo cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Đồng Nai gồm:

- Tờ trình UBND tỉnh về dự thảo Nghị quyết;

- Dự thảo Nghị quyết;

- Báo cáo thẩm định của Hội đồng tư vấn thẩm định;

- Báo cáo giải trình tiếp thu ý kiến góp ý; bản tổng hợp ý kiến góp ý của các cơ quan, đơn vị.

- Bản sao văn bản góp ý của các cơ quan, đơn vị.

Trên đây là Tờ trình về hồ sơ dự thảo Nghị quyết về lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Đồng Nai và dự thảo Nghị quyết quy định mức phân bổ kinh phí đảm bảo cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định trình Hội đồng nhân dân tỉnh khóa IX, kỳ họp thứ 4 thông qua./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Chủ tịch UBND tỉnh (báo cáo);
- VP. UBND tỉnh (p/h);
- Giám đốc sở, các PGĐ sở;
- Lưu: VT, VP; HCTP; XDKTVB.

GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ TƯ PHÁP
TỈNH ĐỒNG NAI

Nguyễn Hồng Tiến

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: /2017/NQ-HĐND	*Đồng Nai, ngày tháng năm 2017*

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT
Về lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI
KHÓA IX - KỲ HỌP THỨ 4

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Luật Hộ tịch năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc trình thông qua Nghị quyết về lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Báo cáo thẩm tra số /BCTT-KTNS ngày tháng năm 2017 của Ban Kinh tế ngân sách thuộc HĐND tỉnh và tổng hợp các ý kiến thảo luận của các đại biểu tại tổ và tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Nhất trí thông qua quy định về lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Đồng Nai như sau:

1. Đối tượng nộp lệ phí hộ tịch:

Là cá nhân được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết các công việc về hộ tịch theo quy định của pháp luật.

2. Đối tượng miễn nộp lệ phí hộ tịch:

a) Đăng ký hộ tịch cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.

b) Đăng ký khai sinh đúng hạn; đăng ký khai tử đúng hạn; giám hộ, chấm dứt giám hộ; đăng ký kết hôn của công dân Việt Nam cư trú ở trong nước khi thực hiện tại Ủy ban nhân dân cấp xã.

3. Đơn vị, tổ chức thu lệ phí hộ tịch:

a) Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa.

Phòng Tư pháp các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa là cơ quan tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cùng cấp giải quyết đăng ký hộ tịch và tổ chức thu lệ phí đăng ký hộ tịch thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân.

b) Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn.

4. Mức thu lệ phí: (*Phụ lục kèm theo)*

5. Quản lý và sử dụng lệ phí hộ tịch:

a) Tổ chức thu lệ phí nộp 100% số tiền lệ phí thu được vào ngân sách nhà nước.

b) Nguồn chi phí trang trải cho việc thu lệ phí hộ tịch do ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán của tổ chức thu lệ phí theo chế độ, định mức chi ngân sách nhà nước theo quy định pháp luật.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết này đến các cơ quan, cá nhân liên quan. Định kỳ hàng năm đánh giá kết quả thực hiện và báo cáo tại kỳ họp cuối năm của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban thuộc Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh thực hiện chức năng giám sát việc thực hiện Nghị quyết này theo quy định pháp luật.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này bãi bỏ Khoản 11, Điều 1 Nghị quyết số 124/2008/NQ-HĐND ngày 05/12/2008 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc thu các loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

1. Mức thu lệ phí về nuôi con nuôi thực hiện theo Nghị định số 114/2016/NĐ-CP ngày 08/7/2016 của Chính phủ quy định lệ phí đăng ký nuôi con nuôi, lệ phí cấp giấy phép hoạt động của tổ chức nuôi con nuôi nước ngoài và Thông tư số 267/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo

đảm cho công tác nuôi con nuôi và cấp, gia hạn, sửa đổi giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài;

2. Mức thu lệ phí cấp bản sao trích lục hộ tịch được chuyển sang phí và áp dụng mức thu phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch theo Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai khóa IX, kỳ họp thứ 4 thông qua ngày tháng năm 2017 và có hiệu lực từ ngày tháng năm 2017./.

***Nơi nhận*:**
- Bộ Tư pháp (Cục KTVB; Cục Hộ tịch, quốc tịch, chứng thực; Cục Công tác phía Nam);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ban KTNS HĐND tỉnh;
- Các vị Đại biểu HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh, Phó Văn phòng UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp; Sở Tài chính;
- Trung tâm công báo;
- Lưu: VT, KT, TH.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục
Lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

(Kèm theo Nghị quyết số /2017/NQ-HĐND ngày / /2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai về lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Đồng Nai)

Stt	Nội dung	Mức thu
A. Áp dụng đối với việc đăng ký hộ tịch trong nước tại Ủy ban nhân dân cấp xã		
1	Khai sinh (bao gồm: đăng ký khai sinh không đúng hạn; đăng ký lại khai sinh; đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân)	5.000 đồng
2	Khai tử (bao gồm: đăng ký khai tử không đúng hạn; đăng ký lại khai tử)	5.000 đồng
3	Đăng ký lại việc kết hôn	30.000 đồng
4	Nhận cha, mẹ, con	15.000 đồng
5	Thay đổi, cải chính hộ tịch cho người chưa đủ 14 tuổi cư trú ở trong nước; bổ sung hộ tịch cho công dân Việt Nam cư trú ở trong nước	10.000 đồng
6	Cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	10.000 đồng
7	Xác nhận hoặc ghi vào Sổ hộ tịch các việc hộ tịch khác	5.000 đồng
8	Đăng ký hộ tịch khác	8.000 đồng
B. Áp dụng đối với việc đăng ký hộ tịch tại Ủy ban nhân dân cấp huyện		
1	Khai sinh (bao gồm: đăng ký khai sinh đúng hạn; đăng ký khai sinh không đúng hạn; đăng ký lại khai sinh; đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân)	50.000 đồng
2	Khai tử (bao gồm: đăng ký khai tử đúng hạn; đăng ký khai tử không đúng hạn; đăng ký lại khai tử)	50.000 đồng
3	Kết hôn (bao gồm: đăng ký kết hôn mới; đăng ký lại kết hôn)	1.200.000 đồng
4	Giám hộ, chấm dứt giám hộ	50.000 đồng
5	Nhận cha, mẹ, con	1.200.000 đồng
6	Thay đổi, cải chính hộ tịch cho người từ đủ 14 tuổi trở lên cư trú ở trong nước; xác định lại dân tộc	25.000 đồng
7	Thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch; xác định lại dân tộc có yếu tố nước ngoài	50.000 đồng
8	Ghi vào Sổ hộ tịch việc hộ tịch của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	70.000 đồng
9	Đăng ký hộ tịch khác	60.000 đồng